

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ - ST

Ngày 04 – 01 – 2022

V/v: Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức Phú và bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 345/2021/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2021 về việc “ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 30/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST ngày 23/12/2021 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 17, đường Nguyễn Bình Quân, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty Luật TNHH Sao Sáng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hồng D – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Doãn Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 01 đường Kinh Bắc 82, khu Yna, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Theo giấy ủy quyền ngày 12/7/2021, 29/10/2021; Quyết định số 189/2021/QĐ-BSL ngày 08/9/2021 về việc cử người tham gia tố tụng của Công ty Luật TNHH Sao Sáng và Quyết định số 214/QĐ-BSL ngày 21/12/2021 về việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền) (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Hồng D - Luật sư Công ty Luật TNHH Sao Sáng, thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 01 đường Kinh Bắc 82, khu Yna, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 70, làn 2 đường Nguyễn Cao, khu N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Đắc T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 70, đường Bế Văn Đàn, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985 và anh Nguyễn Ngọc Ti, sinh năm 1983; Cùng địa chỉ: Số 17 Nguyễn Bình Quân, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Trần Thế D, sinh năm 1957; Địa chỉ: xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thế D: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số 34 Lý Thái Tổ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Theo giấy ủy quyền ngày 22/10/2021, có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại Toà án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Q và bà M kết hôn ngày 01/10/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong kinh tế và khoảng cách tuổi tác. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay ông Quang nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài nên ông Quang đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà Mười.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về công nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Theo ông Q, vợ chồng có tạo lập được các tài sản chung gồm:

- ***Quyền sử dụng thửa đất số 341, tờ bản đồ số 70, diện tích 93,5m² và tài sản gắn liền với đất tại số 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.*** Nhà đất này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CC 246137 ngày 16/11/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M. Nhà đất này hiện bà Mười đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

- ***01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36*** mua năm 2019 giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn Q. Hiện chiếc xe trên do ông Q đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc số tiền mua ô tô ông Quang trích từ số tiền chung vợ chồng là 11.000.000.000 đồng sau khi vợ chồng bán nhà đất tại số 21, đường Nguyễn Khuê, phường Võ Cường, thành phố B.

- ***01 bộ bàn ghế phòng khách 08 món bằng gỗ mun*** mua năm 2014.

- ***01 sập gỗ mun đen***, tháng 3/2021 bà Mười đã bán cho bà Nguyễn Thị Liên với giá 160.000.000 đồng. Số tiền này bà Mười hiện đang quản lý.

- **01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, BKS: 99A001.26** giấy đăng ký xe mang tên bà Nguyễn Thị M, mua năm 2010. Bà Mươi là người quản lý, sử dụng xe từ lúc mua đến nay.

- **01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS: 99A170.39** mua năm 2013 giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn Q. Sau khi mua, con trai riêng của bà Mươi là anh Lê Đức T trực tiếp quản lý, sử dụng.

- **Số tiền bán cổ phần vốn góp của công ty TNHH SX Đại Thiên Phú.** Bà Mươi cùng các cổ đông thực tế chuyển nhượng phần vốn góp với giá là 12.000.000.000 đồng, không phải là 5.000.000.000 đồng như bà Mươi trình bày. Do người mua phần vốn góp của Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú là bà Dương Thị Lua và ông Tường (SĐT: 0915716798, anh của bà Lua) cho ông Quang biết. Họ tên, địa chỉ cụ thể của ông Tường, ông Quang không biết. Sau khi chuyển nhượng phần vốn góp, bà Mươi đã thanh toán cho các cổ đông gồm bà Thanh số tiền 2.000.000.000 đồng, bà Khanh số tiền 1.900.000.000 đồng. Số tiền còn lại của việc chuyển nhượng cổ phần là 8.100.000.000 đồng hiện do bà Mươi quản lý. Ông Quang đề nghị trả ông Trần Thế D, sinh năm 1957 số tiền 1.500.000.000 đồng (Do ông Dương có đưa cho ông Quang 1.500.000.000 đồng để mua lại phần vốn góp của ông Bùi Văn Thắng thể hiện tại văn bản thỏa thuận có lập thành vi bằng. Số tiền này ông Quang nhận và đã chuyển cho bà Mươi. Tuy nhiên, bà Mươi lại gộp vào phần vốn góp của bà Mươi mà không để ông Quang đứng tên). Số tiền chuyển nhượng cổ phần vốn góp của công ty TNHH SX Đại Thiên Phú còn lại là 6.600.000.000 đồng.

- Ngoài ra còn có tài sản trong nhà khác như tivi, tủ lạnh, đồ dùng gia dụng. Quá trình giải quyết vụ án ông Quang không đề nghị chia, không yêu cầu xem xét thẩm định và định giá.

Ly hôn ông Quang giữ nguyên đề nghị chia đôi khối tài sản chung trên. Do nguồn gốc tài sản trên đều là tiền do vợ chồng tích góp mà có.

- Đối với các tài sản bà Mươi yêu cầu chia gồm: Số tiền 11.000.000.000 đồng và 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS 99A105.27 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Thanh T, ông Quang không đồng ý. Tại biên bản lấy lời khai người đại diện theo ủy quyền của ông Quang trình bày số tiền 11.000.000.000 đồng ông Quang đã chi hết. Tại phiên hòa hợp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông Quang trình bày số tiền 11.000.000.000 đồng ông Quang đã rút và đưa toàn bộ tiền mặt cho bà Mươi để chi tiêu công việc chung gia đình hết gồm:

+ Trả nợ cho anh Nguyễn Cường Thịnh, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn Cường Tráng, xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh là cháu ruột ông Quang số tiền 1.000.000.000 đồng.

+ Nộp tiền nhiều lần để thực hiện cấp phép cho dự án trang trại chăn nuôi, trồng trọt của Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú thực hiện. Tổng số tiền nộp là 2.000.000.000 đồng.

+ Đưa cho bà Mươi số tiền 500.000.000 đồng để bà Mươi trả nợ riêng của bà Mươi. Bà Mươi trả nợ cho ai và bà Mươi vay nợ với mục đích gì thì ông Quang không nắm được.

+ Năm 2019 đưa 1.500.000.000 đồng gồm 1.100.000.000 đồng là để mua 01 căn hộ Chung cư Hợp Phú tại khu Hòa Đình, phường Võ Cường, thành phố B và 400.000.000 đồng là trả nợ (do bà Mươi vay của Đại) cho con trai riêng bà Mươi là Lê Đắc Đại.

+ Năm 2019 chi 400.000.000 đồng để mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36 đã qua sử dụng mua năm 2019

Đối với số tiền còn lại 5.600.000.000 đồng hai vợ chồng đã chi tiêu, sử dụng chung từ đó đến nay.

Xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS 99A105.27 là xe của vợ chồng con gái ông Quang, chị Nguyễn Thị Thanh T, không phải tài sản chung vợ chồng ông Quang bà Mươi.

Tại phiên hòa hợp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Không đề nghị chia các tài sản gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36; 01 bộ salon gỗ mun; số tiền 160.000.000 đồng do bán 01 sập gỗ mun đen; 01 xe nhãn hiệu Toyota Camry, BKS: 99A001.26; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS: 99A170.39.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Thế D về việc yêu cầu ông Quang trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng ông Quang đồng ý. Ông xác nhận có cầm số tiền trên của ông Dương để thay mặt ông Dương mua phần vốn góp của ông Thắng và là cổ đông trong Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà xác nhận phần trình bày của ông Quang về thời điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung và nợ chung. Trước khi kết hôn, ông Quang là công chức còn bà Mươi là doanh nhân, giám đốc Công ty TNHH MTV Đại Thiên Lộc. Sau khi kết hôn với ông Quang bà Mươi vẫn tiếp tục kinh doanh. Đến năm 2013 bà Mươi chuyển nhượng một phần dự án Công ty TNHH MTV Đại Thiên Lộc cho Công ty cổ phần vật tư xăng dầu Hải Dương được số tiền 19.000.000.000 đồng. Bà Mươi đã sử dụng một phần số tiền này mua 02 nhà đất tại phường Võ Cường, thành phố B. Bà Mươi đã đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng. Sau đó có thể chấp nhà đất tại số 21 đường Nguyễn Khuê, phường Võ Cường vay vốn Ngân hàng số tiền 2.000.000.000 đồng. Do không trả được nợ đến hạn, năm 2019 vợ chồng đã quyết định bán nhà đất này cho ông Phạm Văn Đức bà Nguyễn Thị Hoa với giá 13.000.000.000 đồng. Ông Đức bà

Hoa chuyển trả Ngân hàng 2.000.000.000 đồng còn lại 11.000.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông Quang. Do vợ chồng không thống nhất về việc sử dụng số tiền 11.000.000.000 đồng ông Quang quản lý nên phát sinh mâu thuẫn. Tháng 8/2020 bà Mười đã làm đơn xin ly hôn và yêu cầu chia số tiền 10.000.000.000 đồng ông Quang quản lý. Sau đó bà Mười rút đơn, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi bà Mười rút đơn, bà và ông Quang chỉ quay lại chung sống đoàn tụ được vài tháng nhưng cũng không giải quyết được mâu thuẫn về kinh tế nên lại ly thân. Bà xác nhận vợ chồng chung sống có mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Nay ông Quang xin ly hôn, bà Mười đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Bà Mười đồng ý với phần trình bày của ông Quang, vợ chồng có tạo lập được các tài sản chung gồm:

- **01 thửa đất số 341, tờ bản đồ số 70, diện tích 93,5m² và tài sản gắn liền với đất tại số 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.** Nhà đất này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CC 246137 ngày 16/11/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M. Nhà đất này hiện bà đang trực tiếp quản lý, sử dụng và đề nghị được tiếp tục sử dụng.

- **01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36,** giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn Q. Hiện chiếc xe trên do ông Quang trực tiếp quản lý, sử dụng. Sau khi ông Quang quản lý số tiền 11.000.000.000 đồng, ông Quang mua chiếc ô tô này. Ông Quang cho bà biết mua xe với giá 300.000.000 đồng.

- **01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS: 99A170.39,** giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn Q hiện do con trai bà là anh Lê Đắc T quản lý, sử dụng.

- **01 bộ bàn ghế phòng khách 08 món bằng gỗ mun** mua năm 2014.

- **01 sập gỗ mun đen,** tháng 3/2021 bà Mười đã bán cho bà Nguyễn Thị Liên với giá 160.000.000 đồng. Số tiền này bà hiện đang quản lý.

- **Số tiền bán cổ phần vốn góp của công ty TNHH SX Đại Thiên Phú.** Bà xác nhận phần vốn góp của bà chuyển nhượng với giá trị là 2.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, toàn bộ số tiền này bà đã thanh toán công nợ gốc và lãi cho chị Trần Thị Thanh Loan, sinh năm 1993; địa chỉ: Phòng 1709 Chung cư Hợp Phú, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và bà Tạ Thị Hồng San, sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm 3, khu Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng.

Bà không đồng ý ông Quang yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là 01 xe nhãn hiệu Toyota Camry, BKS: 99A001.26 do đây là tài sản riêng, bà Mười mua từ năm 2010 trước thời điểm ông bà kết hôn. Ông Quang yêu cầu trích trả tiền

bán phần vốn góp tại Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú số tiền 1.500.000.000 đồng là tiền ông Quang nhận của ông Dương mua cổ phần Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú, bà Mười không chấp nhận do bà Mười không nhận số tiền 1.500.000.000 đồng từ ông Quang. Đối với phần vốn góp của ông Thắng do ông Thắng không có tiền góp vốn theo đúng cam kết nên phần vốn góp của ông Thắng mới chuyển sang cho bà, chứ không phải ông Thắng muốn bán phần vốn góp của mình.

Ngoài những tài sản trên bà Mười còn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng là:

- **Số tiền 11.000.000.000 đồng.** Nguồn gốc số tiền này là tháng 10/2019 vợ chồng bà đã bán nhà đất là thửa đất số 18, tờ bản đồ số 75, diện tích 200 m² và tài sản gắn liền với thửa đất tại SN 21 đường Nguyễn Khuê, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh cho ông Phạm Văn Đức, bà Nguyễn Thị Hoa với giá 13.000.000.000 đồng. Ông bà đã thanh toán cho Ngân hàng khoản vay 2.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại 11.000.000.000 đồng ông Đức đã chuyển vào tài khoản của ông Quang ngày 08/10/2019. Ông Quang trình bày đã rút toàn bộ số tiền 11.000.000.000 đồng và đưa cho bà là không đúng. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ việc ông Quang giữ toàn bộ số tiền này không đưa cho bà để đầu tư. Vì vậy, tháng 8/2020 bà đã làm đơn xin ly hôn và đề nghị giải quyết chia số tiền này.

- **01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS 99A105.27** mua năm 2015 với giá 500.000.000 đồng, hiện do con gái ông Quang là Nguyễn Thị Thanh T đang quản lý sử dụng. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải bà đã rút yêu cầu chia chiếc ô tô này.

Theo bà Mười, những tài sản chung nêu trên được hình thành phần lớn do bà Mười chuyển nhượng một phần dự án trạm dừng nghỉ xe đường dài Đại Thiên Lộc mà có. Vì vậy bà có đóng góp nhiều hơn nên đề nghị chia cho bà phần nhiều hơn ông Quang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Đắc T trình bày: Anh không đồng ý yêu cầu của ông Quang về việc chia tài sản chung là 01 xe ô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Mitsubishi, BKS: 99A170.39 giấy đăng ký xe đứng tên ông Nguyễn Văn Q. Do chiếc xe này anh mua năm 2013. Tiền mua xe bà Mười đưa cho anh là bà Mười vay bà Nguyễn Hồng Nhung 500.000.000 đồng và anh là người có trách nhiệm trả nợ. Sau đó, mọi thủ tục vay mượn, mua bán đều do bà Mười và ông Quang làm thủ tục nên chiếc xe trên mang tên ông Nguyễn Văn Q. Tuy nhiên, thực tế anh vẫn là người thanh toán tiền vay mua ô tô và sử dụng từ lúc mua cho đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Ngọc Ti trình bày: Bà Mười xác định chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS 99A105.27 là tài sản chung của ông Quang bà Mười và yêu cầu chia thì anh chị không đồng ý với yêu cầu trên của bà Mười. Do chiếc xe

trên là tài sản chung của vợ chồng anh chị mua năm 2015 với giá 542.850.000 đồng. Ông Quang bà Mười không góp chung hay cho vợ chồng anh chị khoản tiền nào để mua xe. Mọi chi phí mua xe đều là tiền riêng của vợ chồng. Do điều kiện công việc nên chỉ nhờ bố để chị Tâm là ông Quang ký thay hợp đồng và làm thủ tục lấy xe hộ vợ chồng. Từ khi mua xe chiếc xe mang tên chị và do vợ chồng chị trực tiếp quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thế D và đại diện theo ủy quyền của ông Dương anh Nguyễn Văn P trình bày: Tháng 02/2020 ông Dương được ông Quang cho biết ông Bùi Văn Thắng – thành viên góp vốn của Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú muốn rút vốn khỏi công ty nên ông Dương có mong muốn nhận chuyển nhượng phần vốn góp của ông Thắng và cho ông Quang đứng tên thành viên góp vốn trong công ty thay cho ông Dương. Đến giữa tháng 02/2020, ông Dương đưa cho ông Quang số tiền 1.500.000.000 đồng. Ông Dương không được gặp làm việc trực tiếp với ông Bùi Văn Thắng, cũng không gặp bà Nguyễn Thị M là người đại diện theo pháp luật của công ty. Do tin tưởng nên ông Dương và ông Quang không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng, không có ai chứng kiến. Đến tháng 4/2020 ông Quang cho ông Dương biết đã hoàn thành xong thủ tục góp vốn. Tuy nhiên, sau đó khi được xem giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ông Dương không thấy ông Quang có tên trong danh sách thành viên góp vốn và tỷ lệ phần vốn góp của bà Mười từ 40% lên 50% nên ngày 21/7/2021 hai bên lập Vi bằng số 341/2021/VB-TPLNXT ghi nhận sự việc trên tại Văn phòng Thừa phát lại Ngô Xuân Trung. Nay ông Quang làm đơn khởi kiện đề nghị ly hôn bà Mười tại Tòa án nhân dân thành phố B, ông Dương có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Quang phải thanh toán số tiền là 1.500.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông Quang giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà Mười. Về con chung: Không có.

Về tài sản chung ông Quang giữ nguyên đề nghị chia đôi tài sản chung vợ chồng giữa ông Quang bà Mười là thửa đất số 341, tờ bản đồ số 70 và tài sản gắn liền với đất tại số 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B; 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A250.36; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, BKS: 99A001.26; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS: 99A170.39; 01 bộ bàn ghế phòng khách 08 món bằng gỗ mun; Số tiền 160.000.000 đồng là tiền bán sập gỗ đen; Số tiền 2.000.000.000 đồng là phần vốn góp điều lệ của bà Mười tại Công ty TNHH TM Đại Thiên Phú.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu chia đôi số tiền bà Mười bán phần vốn góp tại Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú từ 6.600.000.000 đồng xuống 4.000.000.000 đồng. Do ông Quang được hai thành viên góp vốn còn lại trong Công ty là bà Thanh, bà

Khanh cho biết số tiền thực tế các bà nhận chuyển nhượng phần vốn góp mỗi người là 2.000.000.000 đồng tương đương với 25% phần vốn góp. Mà bà Mười giữ 50% phần vốn góp. Như vậy, số tiền bà Mười và các thành viên góp vốn bán phần vốn góp tại Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú tổng cộng là 8.000.000.000 đồng và phần vốn góp của bà Mười thực tế chuyển nhượng được sẽ là 4.000.000.000 đồng. Ông Quang đề nghị được quản lý, sử dụng nhà đất; ô tô nhãn hiệu Chevrolet; 01 bộ salon gỗ mun và trích trả tiền chênh lệch tài sản cho bà Mười do hiện nay ông Quang không có chỗ ở, ông lại chỉ có 02 con gái riêng còn bà Mười có 02 con trai có thể sống chung cùng các con. Ông đồng ý giao cho bà Mười quản lý ô tô nhãn hiệu Toyota Camry và ô tô nhãn hiệu Mitsubishi và nhận toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH TM Đại Thiên Phú. Bà Mười có trách nhiệm trích trả tiền chênh lệch cho ông Quang.

Đối với yêu cầu chia số tiền 11.000.000.000 đồng ông Quang đã rút toàn bộ tiền mặt. Ông không đưa toàn bộ số tiền này cho bà Mười mà ông và bà Mười cùng chi tiêu chung hết số tiền đó. Có những khoản ông Quang là người trực tiếp chi, có những khoản ông đưa cho bà Mười là người trực tiếp chi tiêu. Toàn bộ số tiền này đã được chi tiêu hết.

Về công nợ chung: Vợ chồng ông nợ ông Trần Thế D số tiền 1.500.000.000 đồng. Do ông Dương có đưa cho ông Quang 1.500.000.000 đồng để mua lại phần vốn góp của ông Bùi Văn Thắng tại Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú thể hiện tại văn bản thỏa thuận có lập thành vi bằng. Số tiền này ông Quang nhận và đã chuyển cho bà Mười. Tuy nhiên, bà Mười lại gộp vào phần vốn góp của bà Mười mà không để ông Quang đứng tên. Ly hôn ông đề nghị chia đôi công nợ, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Dương số tiền 750.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Dương là đề nghị ông Quang bà Mười thanh toán cho ông Dương số tiền 1.500.000.000 đồng thì ông Quang đồng ý.

Bị đơn trình bày: Bà đồng ý ly hôn ông Quang. Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Bà đề nghị chia tài sản chung theo tỉ lệ bà hưởng 60% giá trị tài sản, còn ông Quang là 40% giá trị tài sản do bà công sức đóng góp nhiều hơn ông Quang các tài sản chung gồm: thửa đất số 341, tờ bản đồ số 70 và tài sản gắn liền với đất tại Số 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B; 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A250.36; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS: 99A170.39; 01 bộ bàn ghế phòng khách 08 món bằng gỗ mun; Số tiền 160.000.000 đồng là tiền bán sập gỗ đen; Số tiền 11.000.000.000 đồng là tiền bán nhà đất tại SN 21 đường Nguyễn Khuê, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh và rút yêu cầu chia tài sản chung là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS 99A105.27, giấy đăng ký xe đứng tên Nguyễn Thị Thanh T. Bà đồng ý số tiền ông Quang bỏ ra để mua xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A250.36 là 400.000.000 đồng.

Số tiền bà bán phần vốn góp tại Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú là 2.500.000.000 đồng và bà đã dùng để trả nợ hết. Bà Thanh, bà Khanh chuyển nhượng phần vốn góp thực tế được bao nhiêu bà không nắm được vì đó là phần vốn góp của bà Thanh, bà Khanh do bà Thanh, bà Khanh tự chuyển nhượng với ông Tường, không liên quan đến phần vốn góp của bà. 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, BKS: 99A001.26 và phần vốn góp tại Công ty TNHH TM Đại Thiên Phú là tài sản riêng của bà.

Nợ chung: Không có. Bà không đồng ý với yêu cầu của ông Quang việc xác định số tiền 1.500.000.000 đồng ông Quang cầm của ông Dương là nợ chung và chia đôi nợ chung. Do giao dịch giữa ông Quang và ông Dương là giao dịch mua bán phần vốn góp, không phải là vay mượn tài sản để sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu chung của gia đình. Ông Quang không đưa cho bà số tiền này và bà cũng không biết ông Quang đã dùng tiền vào mục đích gì.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Dương là đề nghị bà cùng ông Quang thanh toán cho ông Dương số tiền 1.500.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Khi ông Quang và ông Dương giao dịch, bà không có mặt và cũng không biết việc này nên bà không có nghĩa vụ phải cùng chịu trách nhiệm với ông Quang.

Đại diện theo ủy quyền của ông Dương anh Nguyễn Văn P trình bày: Ông Dương thay đổi một phần yêu cầu độc lập, yêu cầu bà Mười có trách nhiệm cùng ông Quang thanh toán cho ông số tiền 1.500.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Tòa án công bố lời khai, các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 27, 33, 37, 38, 43, 44, 45, 51, 55, 58, 60 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Chia đôi tài sản chung của ông Quang bà Mười gồm:

- Thừa đất số 341, tờ bản đồ số 70, diện tích 93,5m² và tài sản gắn liền với đất tại số 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Nhà đất này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất số CC 246137 ngày 16/11/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn Q bà Nguyễn Thị M, trị giá 8.712.745.000 đồng.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS: 99A170.39, giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn Q trị giá 316.000.000 đồng

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36 giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn Q trị giá 224.000.000 đồng

- 01 bộ salon gỗ mun gồm 08 món trị giá 39.826.000 đồng

- Số tiền 2.660.000.000 đồng hiện do bà Mười quản lý

- Số tiền 10.600.000.000 đồng hiện do ông Quang quản lý.

Chia cho ông Nguyễn Văn Q sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36, giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn Q; số tiền 10.600.000.000 đồng ông Quang đang quản lý và được nhận số tiền do bà Mười trích trả chênh lệch về tài sản số tiền 452.285.500 đồng.

Chia cho bà Nguyễn Thị M sở hữu các tài sản gồm: Thửa đất số 341, tờ bản đồ số 70, diện tích 93,5m² và tài sản gắn liền với đất tại số 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS : 99A170.39 và 01 bộ salon gỗ mun gồm 08 món; 160.000.000 đồng tiền bán sập gỗ mun; 2.500.000.000 đồng tiền chuyển nhượng phần vốn góp Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú và phải trích trả cho ông Quang chênh lệch về tài sản số tiền 452.285.500 đồng.

Về án phí: Ông Quang, bà Mười phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp, ông Nguyễn Văn Q yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị M và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Thắng, chị Tâm, anh Tiến vắng mặt và có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 30/11/2021 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng ông Quang bà Mười là vốn góp điều lệ tại Công ty TNHH TM Đại Thiên Phú trị giá 2.000.000.000 đồng. Do ông Quang có sự nhầm lẫn việc 2 Công ty TNHH TM Đại Thiên Phú và Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú là một. Xét thấy, tại đơn khởi kiện và trước phiên họp công khai tài liệu chứng cứ nguyên đơn đều không có yêu cầu về việc chia tài

sản chung vợ chồng của ông Quang bà Mười là số vốn góp điều lệ của bà Mười tại Công ty TNHH TM Đại Thiên Phú số tiền là 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, để giải quyết triệt để vụ án tại phiên tòa HĐXX quyết định thụ lý yêu cầu của ông Quang và tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập chứng cứ là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q kết hôn với bà Nguyễn Thị M ngày 01/10/2012. Trước khi kết hôn ông Quang, bà Mười đã tự nguyện tìm hiểu và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông Quang, bà Mười xác nhận vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ chồng ly thân từ thời điểm bà Mười nộp đơn ly hôn đến nay. Ông Quang làm đơn xin ly hôn, bà Mười đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Quang và bà Mười đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Ông Quang xin ly hôn và bà Mười đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữ ông Quang và bà Mười là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều xác định tài sản chung vợ chồng và không có ý kiến gì đối với chứng thư thẩm định giá số 2109083/TĐG/VCA-CTTĐG của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định Việt Nam và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17, 21/9/2021 gồm:

- 01 thửa đất số 341, tờ bản đồ số 70, diện tích 93,5m² và tài sản gắn liền với đất tại số 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh trị giá 8.712.745.000 đồng.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36 trị giá 224.000.000 đồng.

- 01 bộ salon gỗ mun gồm 08 món trị giá 39.826.000 đồng.

- Số tiền 160.000.000 đồng do bán 01 sập gỗ mun.

Đây đều là những tình tiết, sự kiện các bên thừa nhận nên không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.1] Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS: 99A170.39 giấy đăng ký mang tên ông Nguyễn Văn Q trị giá 316.000.000 đồng. Xét thấy, anh Thắng cho rằng chiếc xe trên là của anh vì anh là người trả nợ để mua chiếc xe nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh và ông Quang, bà Mười đều thừa nhận đây là tài sản chung vợ chồng. Ông Quang, bà Mười chỉ giao cho anh Thắng quản lý sử dụng chiếc xe. Vậy, xác định 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS: 99A170.39 giấy đăng ký mang tên ông Nguyễn Văn Q là tài sản chung.

[4.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị phân chia tài sản chung là tài sản trong nhà khác như tivi, tủ lạnh, đồ dùng gia dụng. Xét thấy, tại buổi làm việc tại

Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này. Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[4.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị phân chia tài sản chung là 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, BKS: 99A001.26, giấy đăng ký xe mang tên bà Nguyễn Thị M. Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận xe trên do bà Mười mua từ năm 2010 trước khi kết hôn. Ông Quang cho rằng ông có đóng góp vào việc mua chiếc xe trên nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có đóng góp vào việc mua xe. Vậy, đây là tài sản riêng của bà Mười nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu này của ông Quang.

[4.4] Xét yêu cầu của bị đơn đề nghị phân chia tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS 99A105.27, giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Thanh T. Tại phiên hòa hợp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đây là sự tự nguyện của bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này. Bị đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[4.5] Đối với yêu cầu của bị đơn đề nghị phân chia tài sản chung là số tiền 11.000.000.000 đồng. Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc số tiền 11.000.000.000 đồng do tháng 10/2019 vợ chồng bán 01 thửa đất số 18, tờ bản đồ số 75, diện tích 200 m² và tài sản gắn liền với đất tại SN 21 đường Nguyễn Khuê, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh với giá 13.000.000.000 đồng. Sau khi thanh toán cho Ngân hàng 2.000.000.000 đồng, số tiền còn lại là 11.000.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản của ông Quang.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2021, ngày 25/10/2021 ông Quang đều khẳng định toàn bộ số tiền 11.000.000.000 đồng đều đã chi tiêu hết vào việc: Trả nợ cho anh Nguyễn Cường Thịnh, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn Cường Tráng, xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh là cháu ruột ông Quang số tiền 1.000.000.000 đồng; Nộp tiền nhiều lần để thực hiện cấp phép cho dự án trang trại chăn nuôi, trồng trọt của Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú thực hiện. Tổng số tiền nộp là 2.000.000.000 đồng; Đưa cho bà Mười số tiền 500.000.000 đồng để bà Mười trả nợ riêng của bà Mười; đưa 1.500.000.000 đồng gồm 1.100.000.000 đồng là để mua 01 căn hộ Chung cư Hợp Phú tại khu Hòa Đình, phường Võ Cường, thành phố B và 400.000.000 đồng là trả nợ (do bà Mười vay của Đại) cho con trai riêng bà Mười là Lê Đắc Đại; chi 400.000.000 đồng để mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36 đã qua sử dụng năm 2019; Số tiền còn lại là 5.400.000.000 đồng hai vợ chồng chi tiêu cùng sử dụng chung từ đó đến nay. Tại phiên họp và hòa giải nguyên đơn thay đổi lời khai đã rút và đưa toàn bộ số tiền trên cho bà Mười. Những mục chi ông vẫn giữ nguyên vì ông là người đề xuất còn bà Mười là người chi tiền. Tại phiên tòa, ông Quang

tiếp tục thay đổi lời khai ông không đưa toàn bộ số tiền trên cùng một lúc cho bà Mười mà hai ông bà cùng sử dụng chung toàn bộ số tiền này, có việc ông là người trực tiếp chi, có việc bà Mười là người trực tiếp chi.

Xét thấy, ông Quang không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông Quang đã đưa toàn bộ hay cùng sử dụng chung số tiền mặt 11.000.000.000 đồng cho bà Mười. Đối với những mục chi ông Quang đã kê, ông Quang cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà Mười biết và đồng ý cùng chi với những mục chi là trả tiền cho anh Thịnh, nộp tiền thực hiện cấp phép dự án. Anh Đại và bà Mười không thừa nhận việc ông Quang đưa tiền, ông Quang không cũng cấp được tài liệu chứng minh nào khác. Ngoài ra, bà Mười và ông Quang đã ly thân từ tháng 8/2020 khi bà Mười làm đơn ly hôn. Tại đơn xin ly hôn trước bà Mười đề nghị ly hôn ông Quang và yêu cầu chia tài sản là số tiền này. Như vậy, việc ông Quang cho rằng toàn bộ số tiền 11.000.000.000 đồng đã cùng chi tiêu hết từ tháng 10/2019 đến nay là không phù hợp với thực tế và không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bà Mười chỉ thừa nhận việc ông Quang mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36 với giá 400.000.000 đồng sau thời điểm có số tiền 11.000.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận đối với khoản chi 400.000.000 đồng để mua ô tô nguyên đơn lấy từ số tiền 11.000.000.000 đồng. Xác định số tiền còn lại 10.600.000.000 đồng là tài sản chung vợ chồng. Ông Quang là người đang quản lý số tiền này. Mặc dù ông Quang kê khai đã chi tiêu số tiền này nhưng không có căn cứ để chấp nhận nhưng khoản chi này chỉ cho mục đích chung vợ chồng.

[4.6] Đối với yêu cầu chia số tiền bán cổ phần vốn góp của Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú của nguyên đơn. Ban đầu nguyên đơn cho rằng số tiền bán cổ phần vốn góp của bà Mười tại Công ty thực tế là 6.600.000.000 đồng do ông được nghe ông Tường cung cấp thông tin là mua lại Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú với giá 12.000.000.000 đồng. Sau khi thanh toán cho 02 thành viên góp vốn còn lại 3.900.000.000 đồng và ông đề nghị bà Mười trích trả ông 1.500.000.000 đồng để ông trả cho ông Dương thì số tiền còn lại 6.600.000.000 đồng ông đề nghị chia đôi. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu, đề nghị chia đôi số tiền bà Mười chuyển nhượng 50% phần vốn góp tại Công ty thực tế là 4.000.000.000 đồng. Do ông được bà Thanh, bà Khanh cũng là thành viên góp vốn của Công ty cho biết thực tế mỗi bà chuyển nhượng 25% phần vốn góp tại công ty của mỗi người là 2.000.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác.

Xét thấy, ông Quang cho rằng được bà Thanh, bà Khanh cho biết đã chuyển nhượng thực tế phần vốn góp với giá 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Tường mới là người mua lại phần vốn góp của bà Thanh, bà Khanh nên việc bà Thanh, bà Khanh chuyển nhượng thực tế phần vốn góp là bao nhiêu không liên quan đến phần vốn góp bà Mười chuyển nhượng. Mà tại lời khai của ông

Tường khẳng định các thành viên mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú tổng cộng là 5.000.000.000 đồng. Bà Lụa, bà Phượng là người mua lại phần vốn góp của bà Mười cũng cho biết mỗi người mua lại phần vốn góp của bà Mười với giá 1.250.000.000 đồng. Tại hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên góp vốn do bà Mười cung cấp thể hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp của bà Mười trong Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú tổng cộng với giá 2.500.000.000 đồng. Vậy, có đủ cơ sở kết luận số tiền bán phần vốn góp của bà Mười tại Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú là 2.500.000.000 đồng.

Tại buổi làm việc và tại phiên tòa bà Mười cho biết toàn bộ số tiền 2.500.000.000 đồng do bán phần vốn góp trong Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú mà có bà tự nguyện nhập vào khối tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên, toàn bộ số tiền đều đã dùng để thanh toán nợ chị Trần Thị Thanh Loan, sinh năm 1993; địa chỉ: Phòng 1709 Chung cư Hợp Phú, đường Lê Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và bà Tạ Thị Hồng San, sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm 3, khu Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng do bà phải vay vốn để thành lập Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú trước đó. Bà không đồng ý với yêu cầu của ông Quang về việc chia số tiền này. Xét, giấy vay tiền của chị Loan ngày 20/7/2020 và bà San ngày 08/10/2017 đều thể hiện việc bà Mười vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, mục đích vay để góp vốn. Tuy nhiên, Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú thành lập, đăng ký lần đầu ngày 18/6/2019 trước một thời gian dài và sau thời điểm bà Mười vay tiền. Vậy, việc bà Mười trình bày vay tiền của chị Loan, bà San để thành lập Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú là không có cơ sở chấp nhận.

Vậy, xác định số tiền 2.500.000.000 đồng bà Mười bán phần vốn góp trong Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú hình thành trong thời kỳ hôn nhân và bà Mười cũng tự nguyện nhập vào khối tài sản chung vợ chồng nên đây là tài sản chung vợ chồng. Bà Mười là người đang quản lý số tiền này.

[4.7] Đối với yêu cầu chia vốn điều lệ của bà Mười tại Công ty TNHH TM Đại Thiên Phú số tiền là 2.000.000.000 đồng của nguyên đơn. Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bà Mười cho biết số tiền 2.000.000.000 đồng vốn điều lệ tại Công ty TNHH TM Đại Phú là tiền riêng của bà Mười có được từ việc chuyển nhượng phần vốn góp của bà Mười trong Công ty TNHH MTV Đại Thiên Lộc cho ông Tạ Hữu Diễn vào ngày 11/11/2015, số tiền là 3.500.000.000 đồng. Bà Mười không đồng ý gia nhập phần tài sản này vào tài sản chung vợ chồng. Xét thấy, Công ty TNHH MTV Đại Thiên Lộc là công ty của do bà Mười thành lập ngày 16/10/2007 trước thời kỳ hôn nhân với ông Quang. Ngày 11/11/2015 bà Mười chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty giá trị là 3.500.000.000 đồng. Số tiền này là tài sản riêng của bà Mười. Bà không tự nguyện nhập vào khối tài sản chung vợ chồng. Ngày 15/3/2017 bà Mười góp vốn vào Công ty TNHH Kinh doanh và dịch vụ Nhật Ánh. Sau đó, ngày

27/7/2017 bà Mười tiếp tục mua phần vốn góp còn lại của bà Nguyễn Thị Phúc – thành viên công ty. Toàn bộ vốn điều lệ 1.900.000.000 đồng của công ty là của bà Mười. Đến ngày 16/4/20021 Công ty TNHH TM Đại Thiên Phú đăng ký thay đổi với vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng và phần vốn góp của bà Mười là 2.000.000.000 đồng. Đồng thời từ ngày 11/11/2015 đến ngày 15/3/2017 ông Quang, bà Mười cũng không tạo lập khối tài sản chung nào. Theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình thì tài sản chung vợ chồng chỉ gồm tài sản thu nhập do hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng. Vậy, số tiền 2.000.000.000 đồng dùng để mua phần vốn góp tại Công ty TNHH TM Đại Thiên Phú là tài sản riêng của bà Mười nên yêu cầu của nguyên đơn chia số tiền 2.000.000.000 đồng là không có cơ sở, không được chấp nhận.

Như vậy, HĐXX xác định khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Quang bà Mười là:

- Thừa đất số 341, tờ bản đồ số 70, diện tích 93,5m² và tài sản gắn liền với đất tại số 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh trị giá 8.712.745.000 đồng.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36 mang tên ông Nguyễn Văn Q trị giá 224.000.0000 đồng.

- 01 bộ salon gỗ mun gồm 08 món trị giá 39.826.000 đồng.

- Số tiền 160.000.000 đồng do bán 01 sập gỗ mun hiện bà Mười đang là người quản lý.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS : 99A170.39 mua năm 2013 mang tên ông Nguyễn Văn Q trị giá 316.000.0000 đồng.

- Số tiền 2.500.000.000 đồng do bà Mười chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú hiện bà Mười đang là người quản lý.

- Số tiền 10.600.000.000 đồng còn lại sau khi ông Quang bà Mười bán 01 thửa đất số 18, tờ bản đồ số 75 và tài sản gắn liền với đất tại SN 21, đường Nguyễn Khuê, phường Võ Cường, thành phố B hiện ông Quang đang là người quản lý.

Tổng giá trị tài sản là: 22.552.571.000 đồng.

[4.8] Về công sức đóng góp và hình thành tài sản:

Ông Quang đề nghị chia đôi, mỗi người được ½ giá trị tài sản. Bà Mười đề nghị được chia phần nhiều hơn theo tỷ lệ bà được 60% giá trị tài sản, ông Quang được 40% giá trị tài sản do nguồn gốc tài sản đều do bà bỏ tiền riêng của bà có sau khi bà bán Công ty TNHH Đại Thiên Lộc do vậy bà có công sức đóng góp nhiều hơn.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều khẳng định ông Quang có đưa tiền cho bà Mười cùng kinh doanh trong Công ty TNHH Đại Thiên Lộc và khi bà mười mua xe Camry

từ trước thời điểm ông Quang, bà Mười kết hôn nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh. Theo biểu xác nhận thu nhập ông Quang từ năm 2012 đến năm 2017 do đội quản lý trật tự đô thị, UBND thành phố B cung cấp thì thu nhập bình quân của ông Quang là 11.930.547 đồng/tháng. Từ năm 2018 ông Quang nghỉ hưu và hưởng chế độ lương hưu. Bản thân bà Mười mở Công ty kinh doanh và thành lập Công ty TNHH Đại Thiên Lộc từ trước thời điểm kết hôn với ông Quang. Đến ngày 05/8/2013 Công ty chuyển nhượng một phần dự án trị giá 19.000.000.000 đồng nên có nguồn thu nhập và mua được 02 thửa đất là thửa đất số 341, tờ bản đồ số 70, diện tích 93,5m² tại số 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 75, diện tích 200 m² tại SN 21 đường Nguyễn Khuê, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh và tự nguyện nhập vào khối tài sản chung vợ chồng để ông Quang đứng tên cùng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, nguồn số tiền 11.000.000.000 đồng ông Quang bà Mười có được là do bán thửa đất, tài sản gắn liền với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 75, diện tích 200 m² tại SN 21 đường Nguyễn Khuê, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Theo quy định Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, khi chia tài sản chung phải tính đến công sức đóng góp của mỗi bên. Vậy, mặc dù bà Mười tự nguyện nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung nhưng nguồn gốc hình thành cũng như công sức đóng góp trong việc hình thành, phát triển khối tài sản chung này của bà Mười nhiều hơn ông Quang. Do đó, cần chia bà Mười phần giá trị nhiều hơn ông Quang. Tuy nhiên, bà Mười không hoàn toàn góp số tiền 19.000.000.000 đồng vào khối tài sản chung, ông Quang cũng có một phần công sức giữ gìn khối tài sản chung nên chỉ chia cho bà Mười hưởng 55% giá trị tài sản là 12.403.914.050 đồng, ông Quang hưởng 45% giá trị tài sản là 10.148.656.950 đồng.

Ông Quang, bà Mười đều đề nghị được quản lý, sử dụng thửa đất số 341, tờ bản đồ số 70 và tài sản gắn liền với đất tại số 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh và sở hữu 01 bộ salon gỗ mun 08 món nếu được quản lý, sử dụng nhà đất. Xét thấy, tại buổi làm việc tại Tòa án ông Quang đều đồng ý giao cho bà Mười quản lý, sử dụng nhà đất và thực tế bà Mười vẫn quản lý, sử dụng nhà đất kể từ thời điểm vợ chồng ly thân nên cần giao nhà đất tại SN 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh cho bà Mười tiếp tục quản lý sử dụng.

Ông Quang, bà Mười đều thống nhất bà Mười quản lý, sử dụng 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS: 99A170.39. Ông Quang quản lý, sử dụng 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36.

[5] Về công nợ chung: Tại phiên tòa ông Quang xác định số tiền 1.500.000.000 đồng cầm của ông Dương là nợ chung và đề nghị bà Mười cùng có trách nhiệm thanh toán cho ông Dương. Bà Mười xác định vợ chồng không có nợ chung.

Xét thấy, ông Quang xác nhận cầm số tiền 1.500.000.000 đồng của ông Dương để thay mặt ông Dương mua phần vốn góp trong Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú. Mục đích ông Quang cầm tiền của ông Dương là đầu tư hộ ông Dương, không phải là giao dịch thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ông Quang cũng không có căn cứ chứng minh đã đưa số tiền này cho bà Mười nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Quang việc xác định số tiền 1.500.000.000 đồng là nợ chung.

[6] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thế D. Ngày 24/10/2021 ông Nguyễn Văn Dương có đơn yêu cầu độc lập đề nghị ông Nguyễn Văn Q trả ông số tiền 2.250.000.000 đồng tương ứng với 25% vốn góp đã chuyển nhượng tại Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú. Tại bản tự khai ngày 08/11/2021 người đại diện theo ủy quyền của ông Dương chỉ yêu cầu ông Quang trả lại ông số tiền 1.500.000.000 đồng theo Vi bằng số 341/2021/VB-TPLNXT ngày 21/07/2021 tại Văn phòng thừa phát lại Ngô Xuân Trung và không yêu cầu lãi suất. Tại phiên tòa ông Dương đề nghị cả ông Quang và bà Mười có trách nhiệm thanh toán cho ông Dương số tiền 1.500.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Ông Quang đồng ý, bà Mười không đồng ý với yêu cầu của ông Dương.

Xét thấy, ông Dương đưa tiền và ông Quang thừa nhận nhận của ông Dương số tiền 1.500.000.000 đồng để ông Quang thay mặt ông Dương mua lại phần vốn góp của ông Thắng tại Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú. Ông Quang trình bày đã gặp ông Thắng để trao đổi về việc mua phần vốn góp nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Ông Dương, ông Quang đều xác nhận khi thỏa thuận và giao nhận số tiền 1.500.000.000 đồng chỉ có ông Quang, ông Dương, bà Mười không có mặt và không có ai làm chứng. Bà Mười xác định không biết và cầm số tiền trên. Ông Quang, ông Dương cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà Mười biết giao dịch giữa ông Quang, ông Dương và đã cầm số tiền 1.500.000.000 đồng. Như vậy, giao dịch giữa ông Dương và ông Quang là giao dịch do một bên chồng xác lập, không phải là giao dịch do vợ chồng cùng xác lập nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương. Buộc ông Quang có trách nhiệm thanh toán số tiền 1.500.000.000 đồng cho ông Dương.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí chia tài sản tương ứng với phần tài sản được hưởng, án phí đối với yêu cầu độc lập của ông Dương, án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Ông Quang có đơn xin miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi nên HĐXX chấp nhận miễn nộp tiền án phí đối với phần án phí ông Quang phải chịu.

Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí chia tài sản tương ứng phần tài sản được hưởng.

Yêu cầu độc lập của ông Dương được chấp nhận nên ông Dương không phải chịu án phí.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 19.600.000 đồng. Ông Quang yêu cầu mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ chi phí này. Do ông Quang đã tạm ứng toàn bộ số tiền là 19.600.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 157, Điều 158 và khoản 2 Điều 156 Bộ luật tố tụng dân sự nên buộc bà Mười có nghĩa vụ trả lại cho ông Quang số tiền 9.800.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 27, 33, 37, 38, 43, 44, 45, 51, 55, 58, 59, 60 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 156, 157, 158, 218, 227, 228, 235, 244, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận sự tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Xác nhận tài sản chung của ông Quang bà Mười gồm:

- Thửa đất số 341, tờ bản đồ số 70, diện tích 93,5m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích xây dựng 71,5 m², diện tích sàn 257,5 m² tại số 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Nhà đất này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 246137 ngày 16/11/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn Q bà Nguyễn Thị M, trị giá 8.712.745.000 đồng;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS: 99A170.39, giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn Q trị giá 316.000.000 đồng;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36 giấy đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn Q trị giá 224.000.000 đồng;

- 01 bộ salon gỗ mun gồm 08 món trị giá 39.826.000 đồng;

- Số tiền 2.660.000.000 đồng hiện do bà Mười quản lý;

- Số tiền 10.600.000.000 đồng hiện do ông Quang quản lý.

Chia cho ông Nguyễn Văn Q sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, BKS: 99A350.36; số tiền 10.600.000.000 đồng ông Quang đang quản lý nhưng phải trích trả cho bà Mười chênh lệch về tài sản số tiền 675.343.050 đồng.

Chia cho bà Nguyễn Thị M sở hữu các tài sản gồm: Thửa đất số 341, tờ bản đồ số 70, diện tích 93,5m² và tài sản gắn liền với đất tại số 28, đường Võ Cường 4, phường Võ Cường, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; 01 xe ô tô nhãn hiệu

Mitsubishi, BKS: 99A170.39; 01 bộ salon gỗ mun gồm 08 món; 160.000.000 đồng tiền bán sập gỗ mun; 2.500.000.000 đồng tiền chuyển nhượng phần vốn góp Công ty TNHH SX Đại Thiên Phú và được nhận số tiền do ông Quang trích trả chênh lệch về tài sản là 675.343.050 đồng.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cùng quyền sở hữu động sản khác theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Quang về việc phân chia: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, BKS: 99A001.26 mang tên bà Nguyễn Thị M; Phần vốn góp của bà Mười tại Công ty TNHH TM Đại Thiên Lộc trị giá 2.000.000.000 đồng

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung vợ chồng là ti vi, tủ lạnh, đồ dùng gia dụng.

Đình chỉ một phần yêu cầu của bị đơn về việc chia tài sản chung vợ chồng là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, BKS 99A105.27, giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Thanh T.

4. Về công nợ chung: Không có.

5. Buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả cho ông Trần Thế D số tiền 1.500.000.000 đồng.

6. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Mười có trách nhiệm trả cho ông Quang 9.800.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Văn Q được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Mười phải chịu án phí dân sự là 120.403.914 đồng. Xác nhận bà Mười đã nộp 29.890.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung tại biên lai số AA/2019/0001098 ngày 09/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Mười còn phải nộp 90.513.914 đồng.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP.Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP.Bắc Ninh;
- UBND phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thanh Ngọc

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Đức Phú

Bùi Quang Hợi

Đỗ Thanh Ngọc